

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm máy móc, trang thiết bị y tế cho Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ năm 2023” với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ.

Địa chỉ: Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Tân A Oái – Chức vụ: Trưởng khoa dược VTYT - TTB

- Số điện thoại: 0383032721

- Email: tanaoaiduoocsinho@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp các hàng hoá gửi báo giá (*Bản gốc*) theo đường Buu điện về Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ theo thông tin sau:

- Đơn vị tiếp nhận: Trung tâm Y tế huyện Sìn Hồ

- Địa chỉ: Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

- Người nhận: Tân A Oái.

Ngoài ra trước khi gửi bản gốc báo giá đề nghị các đơn vị cung cấp báo giá gửi file Scan báo giá qua địa chỉ Email: tanaoaiduoocsinho@gmail.com

Đề nghị các nhà cung cấp gửi báo giá theo mẫu đính kèm (*Phụ lục 02 – Mẫu báo giá*).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 12 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2023.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục thiết bị.

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy phân tích đông máu	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Cái	1
2	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Máy	1
3	Máy phân tích điện giải khí máu	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Cái	2
4	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Cái	3
5	Máy ly tâm	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Máy	1
6	Lồng ấp trẻ sơ sinh kèm đèn điều trị vàng da	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 01 - Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo	Máy	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại Trung tâm Y tế huyện Sinh Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV năm 2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Theo điều kiện cụ thể của hợp đồng.

5. Các thông tin khác ( Theo phụ lục 01- Bảng mô tả yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa đính kèm theo).

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị!

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Đăng tải trên Website, cổng thông tin điện tử của Trung tâm y tế huyện Sinh Hồ
- Sở Y tế tỉnh Lai Châu
- Lưu VT, TC-KH



Hoàng Việt Bắc

## PHỤ LỤC 01 – BẢNG MÔ TẢ YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

( Kèm theo Yêu cầu báo giá số /YCBG-TTYTSH ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ)

STT		Thông số kỹ thuật của thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Máy phân tích đông máu	<p><b>Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau</li><li>- Thiết bị mới 100%</li><li>- Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 13485 hoặc tương đương</li><li>- Nguồn điện sử dụng: 110-240V/ 50/60Hz</li></ul> <p><b>Yêu cầu cấu hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Máy chính: 01 Chiếc</li><li>- Bộ hóa chất thử máy: 01 bộ</li><li>- Dây nguồn: 01 Chiếc</li><li>- Cuvette: 100 Cái</li><li>- CD hướng dẫn sử dụng: 01 Cái</li><li>- Tài liệu HDSD tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</li></ul> <p><b>Chỉ tiêu kỹ thuật</b></p> <p>Mục đích: Phân tích các xét nghiệm đông máu</p> <p>Nguyên tắc đo: Đo độ đục</p> <p>Chu trình: Xác định đơn hoặc kép</p> <p>Khối thuốc thử:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Gia nhiệt đến 37 °C</li><li>+ 4 vị trí đo với motor khuấy từ.</li><li>+ 4 vị trí đựng hóa chất, một trong số này có chức năng trộn từ tính</li><li>+ 4 x 4 vị trí ủ cuvette</li></ul> <p>Cuvette: Micro cuvette</p> <p>Tổng thể tích: 150 – 300 µl</p> <p>Hiển thị: Màn hình tinh thể lỏng, 2 dòng mỗi dòng với 20 kí tự</p> <p>Bảng điều khiển: Bàn phím mềm</p> <p>Bộ nhớ: Lưu được 5- 10 mẫu kết quả xét nghiệm</p> <p>Chuyển đổi: PT(giây) theo %, tỉ lệ, INR, APTT(giây) theo tỉ lệ, Fibrinogen(giây) theo g/l hoặc mg/dl</p> <p>Đường chuẩn: Bộ nhớ 9 điểm đo trên mỗi xét nghiệm</p> <p>Thrombi-Pette: Đối với thuốc thử khởi động pipet được bao gồm (20-200 µl)</p> <p>Máy in: Máy in nhiệt tích hợp, 26 kí tự mỗi dòng</p> <p>Công: RS 232C</p>	Cái	1

2	<b>Máy xét nghiệm sinh hóa tự động</b>	<p><b>Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau</li> <li>- Thiết bị mới 100%</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 9001, ISO 13485, CE</li> <li>- Môi trường hoạt động:</li> <li>+ Nhiệt độ hoạt động: 16-300 ° C</li> <li>+ Độ ẩm: 80%</li> <li>- Nguồn điện sử dụng: 110-240Vac, 50/60 Hz</li> </ul> <p><b>Yêu cầu cấu hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy xét nghiệm sinh hóa tự động: 1 cái</li> <li>- Lò đun hóa chất: 1 bộ</li> <li>- Bộ hóa chất chạy thử máy: 1 bộ ( GOT: 1 hộp, Glucose: 1 hộp, URE UV: 1 hộp )</li> <li>- Can đựng nước rửa 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 bộ</li> <li>- Can đựng nước thải 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái</li> <li>- Can đựng hóa chất rửa máy 2 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái</li> <li>- Dây nguồn: 1 cái</li> <li>- Máy tính và máy in đen trắng (mua tại Việt Nam): 01 chiếc</li> <li>- Tài liệu HDSD tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ</li> </ul> <p><b>Chi tiêu kỹ thuật</b></p> <p>Khung máy: thân khung máy được chế tạo bằng hợp kim nhôm</p> <p>Cảm biến nắp máy: kiểu từ tính</p> <p>Tay hút mẫu:</p> <p>1 kim hút mẫu, hành trình kim hút mẫu 110mm.</p> <p>Cảm biến mức chất lỏng kiểu điện dung</p> <p>Cảm biến sức kim</p> <p>Xy-Lạnh:Pittong tuổi thọ cao</p> <p>Dung tích Xy-lanh 368μl, độ phân giải 0.14μl</p> <p>Hệ thống vận chuyển chất lỏng:</p> <p>Gồm 8 bơm nhu động với dây bơm có thể thay thế, 2 bơm chân không, van kẹp</p> <p>Các can đựng: can nước 20 lít, can đựng hóa chất rửa 2 lít, can đựng chất thải 20 lít. Cung cấp cùng với dây kết nối an toàn và cảm biến mức chất lỏng</p> <p>Hệ thống rửa :</p> <p>Bao gồm 6 kim xả, 6 kim hút, 1 kim rửa ( 8 lần rửa cho mỗi cuvet )</p> <p>Khay hóa chất:</p> <p>Bao gồm 30 lọ dung tích 50ml hoặc 24ml (tối đa</p>	Máy	1
---	--	---	-----	---

tới 1500ml)

Khay bệnh phẩm:

Tiêu chuẩn: Khay có thể dịch chuyển, 60 vị trí, ống 12-13mm, 5-7 ml/ cup 1 ml (các cup cần bộ adapter kim loại cho sự phát hiện mức)

Chọn thêm: Khay có thể dịch chuyển, 20 + 20 vị trí được đánh số, 20 ống 12-16mm/ 20 cup (kiểu 3.5ml)

Khay Cuvet:

Gồm 80 cuvet BIONEX có thể rửa, cho phép chạy được 30.000 test.

Đường quang 6mm

Trở kháng bộ tạo nhiệt 100W

Có cảm biến nhiệt độ và bộ an toàn nhiệt

Hệ thống quang học:

01 bóng đèn halogen ( 6V, 10W ) với 2 thấu kính mở rộng cho tia UV truyền qua

Đĩa kính lọc có 10 vị trí, Có 8 vị trí có kính lọc tương ứng các bước sóng: 340, 405, 505, 546, 578, 600, 650, 700nm, 1 vị trí tự do và 1 vị trí tối.

Đọc trực tiếp phản ứng trên các cuvet, đường quang 6mm  $\pm$  2nm trên đỉnh bước sóng.

Bộ khuếch đại quang:

Bộ phát hiện tế bào quang điện, tín hiệu mạch khuếch đại: dải đáp ứng từ 340 nm đến 900nm, dải quang điện từ 0 – 3.0 Abs , độ tuyến tính  $\pm$  0.5% (từ 0.1 đến 1.5Abs)

Độ chính xác: 0.5 CV% ( từ 0.100 đến 1.500 Abs )

Độ ổn định: đọc độ lệch hàng ngày, độ thay đổi nhỏ hơn 1% trong ngày

Bộ điều khiển:

Bộ điều khiển trên nền vi xử lý đa năng theo thời gian thực

Dễ dàng kiểm tra các bộ phận điện tử

Pipet :

Thể tích: mẫu 2-300  $\mu$ l, hóa chất: 2-350  $\mu$ l

Độ chính xác: 1.5CV% ở 2  $\mu$ l; 1CV% ở 4  $\mu$ l

Trộn bằng kim hút mẫu

Phản ứng: thể tích phản ứng 210 - 350  $\mu$ l

Pha loãng mẫu: Tự động tiến pha loãng trong 1 cuvet phản ứng, tỷ lệ pha loãng lên tới 1:100

Điều khiển nhiệt độ:

Nhiệt độ bảo quản hóa chất: thấp hơn nhiệt độ phòng khoảng 12o C

Nhiệt độ khay phản ứng có thể cài đặt từ nhiệt độ phòng đến 42o C  $\pm$  0.2o C ( 108o F  $\pm$  0.5o F )

Các kiểu xét nghiệm : các phương pháp xét nghiệm Endpoint, Bicromatic endpoint, Differential endpoint, Differential endpoint

		<p>sample blank, Fixed time, Kinetic, Composed  Chạy xét nghiệm: Chạy cấp cứu hoặc ngẫu nhiên  Tốc độ đo:  200 test/giờ khi chạy hóa chất đơn chất  Thời gian ủ + thời gian đọc tối đa: 638 giây  Độ chính xác tiêu biểu: Endpoint 2.0 CV% /  Kinetic 2.0 CV%  Hiệu chuẩn:  Độc trắng hóa chất, có từ 1 – 8 chuẩn cho mỗi test  tuyến tính: Factor, linear, linear regression, non  linear, cubic-spline, poly-linear và logit-log 4  tham số.  Các vị chuẩn/ kiểm tra là tự do trên tất cả khay  bệnh phẩm. Kết quả có thể tính toán lại khi thay  đổi factor hoặc đường cong  Khởi động: Máy tự kiểm tra, đọc độ dịch quang  học, rửa và kiểm tra toàn bộ cuvet  Bảo dưỡng: theo chương trình thông qua tuổi thọ  của các bộ phận  In kết quả: Test đơn, mẫu hoàn thành, trang làm  việc, phương pháp và các QC  Rửa kim : kim hút mẫu được rửa cả trong và ngoài  với chất rửa sau mỗi hoạt động  Kết nối:  Nguồn điện: Dây nguồn có thể tháo rời theo chuẩn  VDE  Máy tính mở rộng: qua cổng USB  Host/LIS: Qua cổng mạng Lan trên máy tính  (Bệnh phẩm, Danh sách làm việc, kết quả), chuẩn  giao tiếp ASTM ASCII  Dữ Liệu:  Danh sách làm việc/ bệnh phẩm: với mỗi danh  sách làm việc không giới hạn số lượng bệnh  phẩm, không giới hạn xét nghiệm, lên tới 99 bảng  xét nghiệm cho mỗi danh sách làm việc  Các phương pháp xét nghiệm: đã kích hoạt 60  phương pháp  Quản lý chất lượng: Có 3 mức kiểm tra cho mỗi  xét nghiệm, theo dõi theo tháng, theo dõi lốt hóa  chất/hiệu chuẩn/kiểm tra. Loại trừ các kết quả lỗi  từ đồ thị và các thống kê  Nhật ký lỗi: Được tự động lưu trong thời gian  chạy, có thể xem hoặc in. theo dõi khi có nguồn</p>		
3	<b>Máy phân tích điện  giải khí máu</b>	<b>Yêu cầu chung</b> - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): Thông số đo: Na+: dải đo 20 ~ 250 mmol/L, độ phân giải 1	Cái	2

		<p>K+: dải đo 0.5 ~ 20 mmol/L, độ phân giải 0.1  Cl-: dải đo 20 ~ 250 mmol/L, độ phân giải 1  Loại mẫu: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương  Thể tích mẫu: 60 ul  Lấy mẫu: hút mẫu lên  Mẫu chứa trong: xy-lanh, ống mao dẫn  Thời gian phân tích: 35 giây  Nhiệt độ đo: 37 ± 0.2 °C  Nguyên lý đo: điện hóa (ISE trực tiếp)  Hiệu chuẩn: Hiệu chuẩn 1-2 điểm tự động, hiệu chuẩn bằng tay nếu cần  Nhiệt độ: 15 ~ 35°C  Độ ẩm tương đối: 5 ~ 85 %  Cartridge:  Số mẫu/thời gian sử dụng (sau khi mở): 100 mẫu/4 tuần, 200 mẫu/4 tuần.  Kích thước/Trọng lượng: 138 x 139 x 80 mm / 0.8 kg  Nhiệt độ bảo quản: 10-30°C  Hạn sử dụng: 18 tháng (khi chưa mở)  Thiết bị: Bộ xử lý 1GHz / 1GB RAM / 4GB Flash memory  Hệ điều hành Windows XP Embedded.  Hiển thị: Màn hình cảm ứng TFT LCD7 inch.  Máy in: máy in nhiệt 2 inch (tích hợp trong máy chính)  Giao diện: USB (3 cổng), serial (RS-232), LAN (RJ45 Ethernet), máy quét mã vạch chuẩn USB  Kích thước (C x R x S): 292 x 256 x 177 mm  Trọng lượng: 5.5kg  Nguồn điện:  Điện áp/Tần số: 110 ~ 240 VAC, 50/60Hz (±10%)  Bộ chuyển đổi nguồn: Nguồn cung cấp AC-DC (đầu ra: +24 VDC, 2.7A, 65W)  Hoạt động bằng pin: tối đa 2 giờ (Li-ion cells)</p>		
4	<b>Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số</b>	<b>Yêu cầu chung</b> - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): Cấu hình: Máy chính: 01 cái Bộ đo ECG: 01 bộ Bộ RESP: 01 bộ Bộ đo SPO2: 01 bộ Bộ đo NIBP: 01 bộ Bộ đo nhiệt độ: 01 bộ Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Đặc điểm:	Cái	3

Màn hình cảm ứng TFT LCD 12.1" độ phân giải cao

Hiển thị 8 dạng sóng, phân tích lên tới 12 đạo trình điện tim (ECG)

Tính toán các chỉ số (huyết động lực, liều lượng thuốc nồng độ oxy, thông số thở)

Nhận diện nhịp tim

Phân tích chứng loạn nhịp tim ST

Theo dõi tuần hoàn và hô hấp OxyCRGs

CMS có dây/Không dây, hỗ trợ giao thức HL7 cho HIS

Modul theo dõi xung-âm SpO2 (Pitch Tone)

MEWS (Chỉ số cảnh báo sớm điều chỉnh)

Theo dõi xu hướng dạng băng và sóng (120 giờ)

Pin Lithium-Ion nạp lại được (2600 mAh)

Thông số kỹ thuật:

Màn hình hiển thị:

+ 12.1" TFT (chọn loại cảm ứng)

+ Độ phân giải: 800 x 600

+ Vết hiển thị: 8 dạng sóng

ECG (Điện tim):

+ Loại đạo trình: 3-lead, 5-lead, 12-lead

+ Sóng ECG: 2 kênh, 7 kênh, 12 kênh

+ Độ nhạy hiển thị: 2.5 mm/mV ( $\times 0.25$ ), 5 mm/mV ( $\times 0.5$ ), 10 mm/mV ( $\times 1.0$ ), 20 mm/mV ( $\times 2.0$ )

+ Tốc độ quét sóng: 6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s, 50 mm/s

Băng tần:

+ Chế độ chuẩn đoán: 0.05 Hz~100 Hz

+ Chế độ theo dõi: 0.5 Hz~40 Hz

+ Chế độ phẫu thuật: 1Hz~20Hz

+ Chế độ lọc mạnh: 5 Hz~20 Hz

+ CMRR >100 dB

+ Bộ lọc Notch: bộ lọc 50/60 Hz notch có thể được bật hoặc tắt

+ Trở kháng đầu vào chênh lệch >5M $\Omega$

+ Dải điện áp phân cực:  $\pm 400$ mV thời gian phục hồi cơ bản < 3 sau khử rung tim (trong chế độ theo dõi và phẫu thuật)

+ Tín hiệu hiệu chuẩn: 1 mV (cực đại - cực đại), độ chính xác  $\pm 3\%$

RESP (Nhịp thở):

+ Phương pháp đo: trở kháng sinh học phổi

+ Dải đo: 0 – 150 bpm

+ Đo theo đạo trình: Lead I, II

+ Wave gain:  $\times 0.25$ ,  $\times 0.5$ ,  $\times 1$ ,  $\times 2$

+ Dải trở kháng hô hấp: 0.5-5 $\Omega$

+ Trở kháng cơ sở: 500-4000 $\Omega$

+ Khuếch đại: 10 mức



- + Tốc độ quét: 6.25 mm/s, 12.5 mm/s, 25 mm/s
- Pulse Rate – nhịp tim
- + Dải đo: 30~254 bpm
- + Độ phân giải: 1bpm
- + Độ chính xác:
  - ±2bpm (non-motion)
  - ±5bpm (motion)
- + Thời gian làm mới giá trị đo: 1s
- TEMP – nhiệt độ:
  - + độ chính xác: ±0.1°C hoặc ±0.2°C°F (không cảm biến)
  - + Dải đo: 5~50 °C (41~122 °F)
  - + Kênh theo dõi: 2 kênh
  - + Độ phân giải: 0.1°C
  - + Thông số theo dõi: T1, T2 và TD
- NIBP – huyết áp không xâm lấn:
  - + Phương pháp đo: Dao động kế tự động
  - + Chế độ đo: thủ công, tự động, liên tục
  - + Đơn vị đo: lựa chọn mmHg/kPa
  - + Thời gian đo trung bình: 20~40s
  - + Kiểu đo: tâm thu, tâm trương, giá trị trung bình
  - + Dải đo huyết áp (mmHg)
    - + Dải đo huyết áp tâm thu:
      - Người lớn 40-270
      - Trẻ em 40-200
      - Sơ sinh 40-135
    - + Dải đo huyết áp tâm trương:
      - Người lớn 10-210
      - Trẻ em 10-150
      - Sơ sinh 10-95
    - + Dải đo huyết áp trung bình:
      - Người lớn 20-230
      - Trẻ em 20-165
      - Sơ sinh 20-105
  - + độ chính xác đo: Sai số trung bình tối đa: ±5 mmHg
  - + Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg
  - + Độ phân giải: 1 mmHg
  - + Khoảng thời gian đo: 1, 3, 4, 5, 10, 15, 30, 60, 90, 120, 180, 240, 480 phút
  - + Bảo vệ quá áp: phần mềm và phần cứng, chế độ bảo vệ kép
  - + Dải áp xuất cổ tay: 0-280 mmHg
  - SpO2 – Nồng độ oxy hòa tan:
    - + Dải đo: 0-100%
    - + Độ phân giải: 1%
    - + Độ chính xác:
      - ±2% (70-100%, người lớn / trẻ em);
      - ±3% (70-100%, trẻ sơ sinh);
      - 0-69%, không xác định

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thời gian làm mới giá trị đo: 1s</li> <li>Điều kiện môi trường hoạt động:</li> <li>+ Nguồn điện: AC 110-250V, 50/60Hz</li> <li>+ Nhiệt độ: 5-40 °C</li> <li>+ Độ ẩm: &lt;80%</li> <li>+ Dải bệnh nhân: người lớn, trẻ em, sơ sinh</li> <li>+ Ấc quy: tiêu chuẩn 2-3 hrs (2.600 mAh), chọn thêm loại 3-5 hrs (4.800 mAh)</li> <li>Dịch vụ kèm theo</li> </ul>		
5	<b>Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số</b>	<p><b>Máy ly tâm</b>  <b>Yêu cầu chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau</li> <li>- Thiết bị mới 100%</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): ISO 13485</li> <li>- Nguồn điện sử dụng: 110-220V, 50/60Hz</li> </ul> <p><b>Yêu cầu cấu hình</b>  Máy chính: 01 cái  Rotor góc 15mlx16: 01 cái  Dây nguồn: 01 cái  Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, Việt: 01 bộ</p> <p><b>Chỉ tiêu kỹ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế nhỏ gọn với nhiều ứng dụng:</li> <li>+ Máy ly tâm Tốc độ thấp hơn với công suất tối ưu cho các ứng dụng khác nhau.</li> <li>- Khả năng hiển thị cao của bộ điều khiển:</li> <li>+ Màn hình LCD màu xanh để theo dõi quá trình dễ vận hành</li> <li>- Dải ống nghiệm:</li> <li>+ Có thể sử dụng đa dạng từ 5ml đến 100ml</li> <li>Tốc độ tối đa: 4000 rpm</li> <li>Tăng tốc/ giảm tốc: 0 ~ 5 ( 6 thiết lập )</li> <li>Mức ồn: ≤ 60 dB</li> <li>Cài đặt thời gian: 99 phút 59 giây hoặc liên tục</li> <li>Bộ đếm thời gian: Từ lúc khởi động/ từ khi cài đặt tốc độ ly tâm (rpm)</li> <li>Chương trình: Bộ nhớ 10 chương trình</li> <li>Dải tốc độ: Có thể điều chỉnh từ 400 đến 4000 rpm</li> <li>Công suất: 1000W</li> </ul>	Máy	1

6	<b>Lồng ấp trẻ sơ sinh kèm đèn điều trị vàng da</b>	<b>Yêu cầu chung</b> - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Thiết bị mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng (áp dụng cho hãng sản xuất của máy chính): <b>Cấu hình gồm có:</b> - Thân máy chính kèm màn hình hiển thị 10.1 inch: 01 chiếc. - Khay đặt casset chụp X quang: 01 chiếc. - Hệ thống cảm biến đo nhiệt độ da (Cảm biến kép): 01 bộ (02 chiếc). - Cảm biến đo nhiệt độ không khí: 01 chiếc. - Đèn chiếu vàng da JW-PU2000: 01 chiếc. - Tấm nệm không cân quang: 01 chiếc. - Cọc truyền dịch: 01 chiếc. - Bộ lọc Hepa filter: 03 chiếc. - Vỏ chụp tay: 03 chiếc. - Vỏ bọc lồng ấp: 01 chiếc. - Dây điện nguồn: 01 chiếc. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng: 01 bộ (tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt) - Quy trình vận hành máy: 01 bộ. <b>Tính năng và Thông số kỹ thuật:</b> <b>1 Tính năng chung:</b> • Lồng được sử dụng để chăm sóc trẻ sơ sinh, trẻ thiếu tháng. • Điều khiển bằng bộ vi xử lý để điều khiển nhiệt độ, độ ẩm... • Màn hình chạm LCD 10.1 inches điều khiển và hiển thị nhiệt độ, độ ẩm, Oxy, SpO2, chức năng báo động... Các dữ liệu về nhiệt độ, độ ẩm, Oxy, SpO2 được hiển thị dưới dạng đồ thị và biểu đồ trong theo thời gian thực • Bộ làm ẩm có thể kiểm tra mực nước từ bên ngoài và tháo lắp được, làm sạch dễ dàng • Có khay chứa cassette chụp X quang riêng • Thân lồng ấp được thiết kế các rãnh, dễ dàng gắn các phụ kiện như cọc truyền dịch, khay đựng thiết bị, rô dựng phụ kiện. • Kiểm soát nhiệt độ chính xác hơn nhờ sử dụng cảm biến nhiệt độ da kép • Có thể điều chỉnh góc nghiêng của tấm đệm bất kỳ góc nào trong khoảng $\pm 12^\circ$ bằng núm xoay. <b>2 Thông số kỹ thuật:</b> • Tốc độ không khí lưu thông dọc theo tấm nệm 10 cm/giây. • Nhiệt độ đồng đều trên tấm nệm $< 0.80C$ . • Chế độ điều khiển: Theo nhiệt độ da / nhiệt độ không khí. • Thời gian làm ẩm: $< 20$ phút.	Máy	1
---	---	---	-----	---

- Độ ồn trong lồng chụp < 45 dBA.
- Máy sử dụng bộ lọc tĩnh điện. Hiệu suất lọc 99,99%; kích cỡ hạt bụi: 0.3 micromet.
- Chức năng báo động: Báo động bằng âm thanh và đèn nháy. Báo động trong các trường hợp lỗi nguồn, lỗi hệ thống, lỗi sensor, lỗi quá nhiệt  $\geq 1.5^{\circ}\text{C}$ , lỗi dòng khí, lỗi nhiệt độ không khí  $\geq 1.0^{\circ}\text{C} - 2.0^{\circ}\text{C}$ , lỗi nhiệt độ da  $\geq 1.0^{\circ}\text{C} - 2.0^{\circ}\text{C}$ , mực nước thấp.

Bảng điều khiển: • Màn hình LCD hiển thị điều khiển bằng bộ vi xử lý loại cảm ứng, kích thước 10.1 inch.

- Hiển thị các thông số: Nhiệt độ không khí, Nhiệt độ da, Nhiệt độ cài đặt, Phần trăm độ ẩm, Phần trăm độ ẩm cài đặt.
- Góc quay của màn hình:  $105^{\circ}$

Lồng chụp:

- Lồng chụp được làm bằng vật liệu trong suốt. Cấu tạo gồm hai vách ngăn.
- Kích thước lồng chụp: 830 x 480 x 510 mm. (Dài x Cao x Rộng).
- Cổng: 4 cổng thao tác và 2 cổng trao đổi khí.
- Cửa luân dây: 5 cổng ở 2 cạnh bên, 1 cổng ở mặt phía trên lồng chụp.
- Kích thước khay chứa đệm 797 x 432 mm (Dài x Rộng)
- Kích thước tấm nệm: 700 x 20 x 370 mm (Dài x Dày x Rộng).
- Tấm nệm được làm bằng vật liệu không cản tia X.
- Chiều cao từ mặt đệm đến vách phía trên của lồng chụp 420 mm
- Độ nghiêng của nệm:  $\pm 120$ .
- Tải trọng chịu được của tấm nệm 12 Kg.
- Kích thước khay đựng cassette chụp X quang 10 x 12 inches

Chân đế:

- Kích thước: 1060 x 660 mm (Dài x Rộng).
- Ngăn kéo chứa đồ được làm bằng nhựa mềm. Có rãnh trượt.
- Kích thước ngăn chứa đồ: 480 x 430 x 210 mm (Dài x Rộng x Cao).
- Chân đế có đệm làm bằng Silicon có tác dụng chống rung. có 4 bánh, đường kính 4 inch, có khoá hãm riêng cho từng bánh xe.
- Cọc truyền dịch làm bằng thép không gỉ, chiều cao 1050 mm, đường kính:  $\varnothing 15$  mm.

Nhiệt độ da:

- Hệ thống cảm biến nhiệt độ da kép giúp kiểm soát nghiêm ngặt nhiệt độ của trẻ sơ sinh tại 2 vị

trí.

- Dải hiển thị: từ 22 đến 450C.
- Dải điều khiển: từ 34 đến 390C.
- Độ chính xác:  $\pm 0.30C$ .
- Độ phân giải:  $\pm 0.10C$ .

Nhiệt độ không khí trong lồng:

- Dải hiển thị: từ 5 đến 500C.
- Dải điều khiển: từ 20 đến 390C.
- Độ chính xác:  $\pm 0.3^{\circ}C$
- Độ phân giải:  $\pm 0.1^{\circ}C$

Bộ làm ẩm:

- Chế độ điều khiển: Tự động
- Dải điều khiển: từ 30% đến 99 %. Mỗi bước điều chỉnh tăng/giảm khoảng 1%.
- Dải hiển thị: 0% đến 99%.
- Độ chính xác:  $\pm 2\%$ .
- Độ phân giải:  $\pm 1\%$
- Dung tích khay chứa nước 1500 ml.

Kích thước lồng áp:

- Kích thước : 970 x 708 x 1600 mm

Nguồn điện:

- Xoay chiều: 220 - 230V  $\pm 10\%$ .
- Tần số: 50/60 Hz
- Cầu chì: 250V; 4A

Công suất tiêu thụ:

- Kháng đốt: 450W  $\pm 10\%$ .
- Bộ điều khiển: 80W  $\pm 10\%$ .
- Bộ làm ẩm: 200W  $\pm 10\%$ .

Kích thước

Đầu đèn (Rộng x Cao x Sâu): 207 x 406 x 70 mm

## 02 – MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Xuất xứ <sup>(6)</sup>	Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

#### Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan

cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).